

TƯ DUY TRIẾT HỌC HỒ CHÍ MINH VỀ MÔ HÌNH XÃ HỘI MỚI

Lại Quốc Khánh^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: laiquockhanh.vnu@gmail.com

Nhận ngày 2 tháng 10 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Tóm tắt: Hồ Chí Minh là “nhà cách mạng chuyên nghiệp”. Mục tiêu chi phối toàn bộ sự nghiệp “cách mạng chuyên nghiệp” của Hồ Chí Minh là Giải phóng và Phát triển, trong đó, vấn đề xác định *mô hình xã hội mới*, với tư cách một đích hướng cho con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, là một trong những vấn đề cơ bản, quan trọng bậc nhất. Bài viết khảo cứu 6 dấu mốc quan trọng trong *lịch sử* nhận thức của Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới, để từ đó thấy được *logic* tư duy triết học Hồ Chí Minh về vấn đề này. Bài viết cũng đi sâu nghiên cứu phạm trù “mới” trong tư duy triết học chính trị Hồ Chí Minh gắn với các khái niệm “chính trị”, “cách mạng”. Với Hồ Chí Minh, kiến tạo bản chất “mới” của xã hội này là thực chất của cách mạng, và cách mạng là thực chất của chính trị. Mô hình xã hội mới với những nội dung, đặc điểm của nó, được xác định bằng tư duy triết học duy vật biện chứng phản ánh đúng đắn và dự báo chính xác quá trình vận động biện chứng khách quan của xã hội Việt Nam. Tất cả những điều đó làm nên nét đặc sắc và giá trị của tư duy triết học Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới ở Việt Nam.

Từ khóa: Tư duy, triết học, Hồ Chí Minh, xã hội mới, chính trị.

Nhìn lại cuộc đời Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rất rõ rằng, Người hoàn toàn không có ý định trở thành một nhà triết học. Bản thân Người đã khẳng định: “Tôi là cây bút tiểu phẩm, nhà chính luận. Gọi là nhà tuyên truyền tôi cũng không tranh cãi, nhà cách mạng chuyên nghiệp là đúng nhất”¹. Mục tiêu chi phối toàn bộ sự nghiệp “cách mạng chuyên nghiệp” của Hồ Chí Minh là *Giải phóng* và *Phát triển*. Nhưng trong sự nghiệp cách mạng ấy, Hồ Chí Minh phải đương đầu với những thách thức vô cùng to lớn: Phải đánh bại những lực lượng

ngoại xâm hùng mạnh bậc nhất thế giới; Phải tiến hành một “cuộc chiến đấu khổng lồ” để xóa bỏ những cái cũ kỹ, lạc hậu, để tạo dựng những cái mới mẻ, tốt tươi trong công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, v.v.. Và, để giành được thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng ấy, chủ thể hành động không thể không đứng ở đỉnh cao của trí tuệ - trí tuệ đã nhận thức được, đã suy ngẫm một cách sâu sắc về bản chất, quy luật của xã hội, của con người, về lẽ ở

¹ Xem: Ruf Bersatzki (Liên Xô) (1980), *Một lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Báo Văn nghệ.

đời và làm người, v.v., - tức là trí tuệ ở tầm triết học. Với Hồ Chí Minh, trong hệ vấn đề về giải phóng và phát triển, vấn đề xác định *mô hình xã hội mới*, với tư cách một đích hướng cho con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là một trong những vấn đề cơ bản, quan trọng bậc nhất. Chính ở đây kết tinh nhiều nét độc đáo, đặc sắc của tư duy triết học Hồ Chí Minh. Bài viết này mong muốn góp phần tìm hiểu nét độc đáo, đặc sắc đó, qua đó hiểu sâu hơn tư tưởng của Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới ở Việt Nam.

1. Những dấu mốc trong tư duy triết học Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới

Vấn đề mô hình xã hội với tư cách một hình thức biểu hiện của các giá trị và mục tiêu chính trị là một vấn đề của triết học chính trị. Trong nhiều học thuyết triết học chính trị ở cả phương Đông và phương Tây, vấn đề mô hình xã hội luôn được quan tâm. Chẳng hạn, ở phương Tây có mô hình Cộng hòa của Platon thời cổ đại, mô hình Nước trời của Augustin thời trung cổ, mô hình chế độ cộng sản hiện đại của chủ nghĩa Mác - Lênin thời hiện đại, v.v.. Ở phương Đông có mô hình Hữu đạo chi thế của Khổng Tử, mô hình Tiểu quốc quả dân của Lão Tử, mô hình Nhân chính của Mạnh Tử, mô hình Vương chế của Tuân Tử thời cổ đại, mô hình nền chính trị dựa trên Hiến pháp ngũ quyền của Tôn Trung Sơn thời cận đại, v.v.. Ngay ở Việt Nam, sau khi mô hình chế độ quân chủ chuyên chế bị giải thể, các nhà tư tưởng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cũng đã nỗ lực tìm kiếm những mô hình xã hội mới theo hướng dân chủ.

Ở Hồ Chí Minh, vấn đề xác định mô hình xã hội mới được Người đặc biệt quan tâm từ rất sớm và suy tư rất sâu sắc. Quá trình hình thành và phát triển mô hình xã hội mới trong tư duy triết học Hồ Chí Minh thể hiện ở những *dấu mốc* chủ yếu như sau:

Dấu mốc đầu tiên chính là *Chánh cương vắn tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh soạn thảo, trong đó *lần đầu tiên* Người đã phác họa mô hình xã hội mới sau khi đánh đuổi thực dân Pháp như sau: “A. Về phương diện xã hội thì: a) Dân chúng được tự do tổ chức; b) Nam nữ bình quyền, v.v.; c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa. B. Về phương diện chính trị: a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập; c) Dựng ra chính phủ công nông binh; d) Tổ chức ra quân đội công nông. C. Về phương diện kinh tế: a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; b) Thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý; c) Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp; f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ”². Có thể thấy, mô hình xã hội được phác họa ở đây còn khá đơn giản, *thể hiện định hướng chính sách xóa bỏ và thay thế khá cụ thể, trực tiếp đối với xã hội cũ trên những phương diện chủ yếu*.

² Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.1-2.

Dấu mốc thứ hai là chính sách mà Việt Minh tuyên bố sẽ thực hiện sau khi giải phóng dân tộc, trong đó cho ta *một hình dung chi tiết hơn, tuy vẫn theo cùng mô thức tư duy của Chánh cương vắn tắt, về một mô hình xã hội mới sẽ được xây dựng*, thể hiện trên 6 phương diện: Chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, đối với các tầng lớp nhân dân, xã hội và ngoại giao³.

Dấu mốc thứ ba là *Nhật ký trong tù*, trong đó Hồ Chí Minh đã đề xuất 5 điểm lớn trong xây dựng văn hóa dân tộc. Đây thực chất cũng là một bức phác họa ngắn gọn mô hình xã hội tương lai ở Việt Nam từ góc tiếp cận văn hóa: “a) Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường; b) Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; c) Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội; d) Xây dựng chính trị: dân quyền; e) Xây dựng kinh tế”⁴. Tuy trong bản phác họa này, chi tiết các phương diện của mô hình xã hội mới không được trình bày chi tiết, nhưng góc *tiếp cận văn hóa chính trị đối với mô hình xã hội mới là nét độc đáo* của Hồ Chí Minh. Trong toàn bộ quá trình phát triển về sau, tiếp cận văn hóa chính trị đã quán xuyên việc thiết kế những chi tiết của mô hình xã hội mới, với tinh thần văn hóa “phải ở trong kinh tế và chính trị”⁵, làm cho mô hình xã hội mới mang tính văn hóa sâu sắc, thực sự là một sáng tạo văn hóa.

Dấu mốc thứ tư là bản đề cương về 6 nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh đề xuất ngày 03/9/1945. 6 nhiệm vụ đó là: *Thứ nhất*, dưới chế độ thực dân, để

phục vụ mục đích chính trị và quân sự, thực dân, đế quốc Pháp - Nhật đã “gây nạn đói” cho nhân dân ta nhằm làm cho dân ta chết, còn dưới chế độ mới, chúng ta “phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất” và mở “cuộc lạc quyền” để “làm thế nào cho họ sống”; *Thứ hai*, dưới chế độ thực dân, nạn đói là “một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta”, nhằm làm cho dân tộc ta yếu, còn dưới chế độ mới, chúng ta “mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ” vì chúng ta muốn dân tộc ta mạnh; *Thứ ba*, dưới chế độ thực dân và chế độ quân chủ phong kiến, “nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ”, còn dưới chế độ mới, nhân dân ta được hưởng mọi quyền tự do dân chủ, trước hết là tham gia cuộc “Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”, và thông qua Quốc hội được lập nên bằng tổng tuyển cử mà xây dựng một bản Hiến pháp dân chủ; *Thứ tư*, chế độ thực dân “dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác”, còn chế độ mới “phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập”, vì vậy, chúng ta “mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: Cần, kiệm, liêm, chính”; *Thứ năm*, chế độ thực dân thực hiện “một lối bóc lột vô nhân đạo” bằng thuế thân, thuế chợ, thuế đò, còn

³ Xem: Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.3, tr.629-632.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.3, tr.458.

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.246.

chế độ ta “bỏ ngay ba thứ thuế ấy” vì chế độ ta là chế độ nhân đạo; *Thứ sáu*, chế độ thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, còn chế độ ta thì thực hiện “Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết”⁶.

Có thể thấy, 6 nhiệm vụ cấp bách này thực chất là 6 nhiệm vụ *kiến tạo nội dung của chế độ xã hội mới* - chế độ dân chủ nhân dân - *cái đối lập* với chế độ xã hội cũ - chế độ thực dân, phong kiến. Một điểm quan trọng cần chú ý ở đây là cách tư duy của Hồ Chí Minh khi trình bày 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó có thể thấy sự xuất hiện của những *cặp phạm trù* phản ánh các mặt đối lập và phương pháp tư duy xác định mặt đối lập này thông qua phủ định mặt đối lập kia, chuyển hóa từ *cái cũ* sang *cái mới*, với mức độ trừu tượng cao của tư duy triết học. Đó là sự đối lập giữa “sống” và “chết”, giữa “phát triển” và “phản phát triển”, giữa “hữu quyền” và “vô quyền”, giữa “lành mạnh” và “hủ hóa”, giữa “nhân đạo” và “vô nhân đạo”, giữa “đoàn kết” và “chia rẽ”. Đó là những sự đối lập *triệt để* và *toàn diện*. Rõ ràng, đến dấu mốc này, trong tư duy triết học của Hồ Chí Minh, những đặc điểm của chế độ xã hội mới được xác lập trước hết thông qua phương pháp chuyển hóa những đặc điểm mang tính bản chất của chế độ xã hội cũ thành mặt đối lập của nó - phương pháp chuyển hóa phản ánh quá trình chuyển hóa đang diễn ra một cách mạnh mẽ, sinh động và ngày càng sâu sắc hơn trong đời sống thực tiễn. *Đây là một phương pháp tư duy triết học biện chứng.*

Dấu mốc thứ năm là sự trình bày khái quát những đặc điểm của chế độ dân chủ nhân dân trong tác phẩm “*Thường thức chính trị*” (1953). Trong tác phẩm này, Hồ Chí Minh chỉ rõ, *chế độ dân chủ nhân dân* là một chế độ xã hội có 5 đặc điểm cơ bản sau:

Về chính trị: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân, nhân dân đánh đổ đế quốc và phong kiến. Trên nền tảng công nông liên minh, nhân dân lao động làm chủ nước nhà, xây dựng *nhân dân dân chủ chuyên chính*, nghĩa là dân chủ với nhân dân, chuyên chính (trừng trị) bọn phản động”⁷. Như vậy, chế độ dân chủ nhân dân là sự phủ định chế độ thực dân, phong kiến. Chủ thể tối cao và duy nhất của chế độ dân chủ nhân dân là toàn thể nhân dân lao động, trong đó nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc trưng dân chủ trong chế độ dân chủ nhân dân thể hiện trên hai phương diện: dân chủ với nhân dân, chuyên chính với bọn phản động.

Về kinh tế: Trong chế độ dân chủ mới, có năm loại *kinh tế* khác nhau:

A- Kinh tế quốc doanh (thuộc chủ nghĩa xã hội, vì nó là của chung của nhân dân).

B- Các hợp tác xã (nó là nửa chủ nghĩa xã hội, và sẽ tiến đến chủ nghĩa xã hội).

C- Kinh tế của cá nhân, nông dân và thủ công nghệ (có thể tiến dần vào hợp tác xã, tức là nửa chủ nghĩa xã hội).

⁶ Xem: Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.6-8.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.293.

D- Tư bản của tư nhân.

E- Tư bản của Nhà nước (như Nhà nước hùn vốn với tư bản tư nhân để kinh doanh).

Trong năm loại ấy, loại A là kinh tế lãnh đạo và phát triển mau hơn cả. Cho nên kinh tế ta sẽ phát triển theo hướng chủ nghĩa xã hội chứ không theo hướng chủ nghĩa tư bản⁸.

Như vậy, nền kinh tế trong chế độ dân chủ nhân dân là *nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa*, tức là một nền kinh tế mang tính chất *quá độ*. Tính chất định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở chỗ, trong năm thành phần kinh tế thì kinh tế quốc doanh là “kinh tế lãnh đạo” và hầu hết các thành phần kinh tế khác đều có xu hướng phát triển trở thành thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Về tư tưởng: “*Tư tưởng* của giai cấp công nhân (tư tưởng Mác - Lênin) là tư tưởng lãnh đạo, ngày càng phát triển và củng cố⁹”. Như vậy, trong đời sống tinh thần của chế độ dân chủ nhân dân, tư tưởng Mác - Lênin được xác định là hệ tư tưởng chính thống, ngày càng được củng cố, phát triển.

Về lực lượng lãnh đạo: “Đảng Lao động kiên quyết lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động. (Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân có đoàn thể cách mạng chắc chắn của nó như: công đoàn, nông hội, hội thanh niên, hội phụ nữ...) thực hiện dân chủ mới và tiến dần đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản)”¹⁰. Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nhân dân ta xây dựng chế độ dân chủ nhân dân để tiến dần đến chủ nghĩa xã hội.

Về lực lượng xây dựng chế độ dân chủ nhân dân: “Trong nước thì nhân dân ta hăng hái kháng chiến, thi đua sản xuất; quyết tâm phấn đấu, quyết tâm tiến lên. Trên thế giới thì có phe dân chủ hòa bình ủng hộ ta. Vì những lẽ đó ta nhất định thành công”¹¹. Như vậy, ở trong nước, lực lượng tiến hành xây dựng chế độ dân chủ nhân dân để tiến lên chủ nghĩa xã hội là toàn thể nhân dân với tinh thần hăng hái cách mạng. Ở bên ngoài, công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới của ta nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới. Chính vì thế “ta nhất định thành công”.

Năm đặc trưng cơ bản trên là sự phản ánh những thành quả của quá trình phát triển xã hội trong thực tiễn xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, đồng thời thể hiện rõ ràng tư duy triết học biện chứng của Hồ Chí Minh về quá trình vận động biện chứng của lịch sử xã hội Việt Nam, trong đó chế độ dân chủ nhân dân vừa đang tạo lập nó với tư cách là chế độ xã hội mới trên cơ sở xóa bỏ các tàn tích của các chế độ xã hội cũ trước đó, vừa đang tạo sinh những mầm mống của một chế độ xã hội mới ở trình độ phát triển cao hơn nó, sẽ thay thế nó với tư cách là một xã hội cũ trong tương lai.

Dấu mốc thứ sáu là việc Hồ Chí Minh phác họa mô hình chế độ xã hội chủ nghĩa thông qua nhiều tác phẩm khác nhau. Năm

⁸ Xem: Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.8, tr.293-294.

⁹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.8, tr.294.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.8, tr.294.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.8, tr.294.

1956, Hồ Chí Minh đã nêu lên hai vấn đề lớn về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: "...muốn biết ta tiến lên chủ nghĩa xã hội như thế nào thì trước hết... phải biết chủ nghĩa xã hội là gì đã chứ!"¹². Đây là *sự tiếp nối hợp logic trong sự phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phản ánh những bước phát triển mới trong thực tiễn cách mạng Việt Nam - thực tiễn vượt góp chế độ dân chủ nhân dân để tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa.*

Khái quát các luận điểm của Hồ Chí Minh, có thể thấy trong tư tưởng của Người, xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa có *những đặc trưng cơ bản* sau:

Thứ nhất là *đặc trưng về kinh tế*. Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội có trình độ phát triển cao về kinh tế, nền sản xuất phát triển, năng suất lao động cao, có cơ cấu kinh tế cân đối. Chủ nghĩa xã hội có lực lượng sản xuất phát triển, đưa những thành tựu của khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Chủ nghĩa xã hội có quan hệ sản xuất mang tính xã hội hóa, xóa bỏ chế độ tư hữu tư liệu sản xuất, người lao động trực tiếp tham gia tổ chức quá trình sản xuất và áp dụng nguyên tắc phân phối theo lao động.

Thứ hai là *đặc trưng về chính trị*. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội phát triển cao về dân chủ. Nhân dân thực sự là chủ thể của toàn bộ đời sống xã hội. Đảng và Nhà nước phải tạo điều kiện để thực hành dân chủ rộng rãi, để phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của người dân, để người dân thực sự tham gia quản lý nhà nước và xã hội.

Thứ ba là *đặc trưng về văn hóa, đạo đức*. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ phát triển cao về văn hóa và đạo đức. Nền văn hoá, đạo đức mới vừa kế thừa, phát huy các truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu đồng thời có những đóng góp tích cực cho kho tàng giá trị đạo đức, văn hóa của nhân loại. Văn hóa, đạo đức thực sự bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, từ thực tiễn lao động, sản xuất, chiến đấu của quần chúng nhân dân, đồng thời dẫn dắt, "soi đường cho quốc dân đi". Văn hóa, đạo đức thấm sâu vào các quan hệ xã hội, hình thành nên quan hệ mới, tốt đẹp, giữa con người với con người. Các giá trị văn hóa, đạo đức được sáng tạo ra thực sự do và vì "lẽ sinh tồn cũng như nhu cầu của cuộc sống".

Thứ tư là *đặc trưng về xã hội*. Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội công bằng, bình đẳng, hợp lý. Mọi thành viên (cá nhân, giai tầng, vùng miền, dân tộc, tôn giáo, v.v.) của xã hội đều có quyền và được tạo điều kiện để hưởng thụ sự công bằng, bình đẳng về cơ hội phát triển, về đóng góp và hưởng thụ.

Thứ năm là *đặc trưng về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội*. Chế độ xã hội chủ nghĩa là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân tự xây dựng lấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Giới nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung đều thừa nhận trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chế độ xã hội chủ nghĩa có *năm đặc trưng cơ bản* trên. Bốn đặc trưng đầu là đặc trưng của bốn lĩnh vực cơ bản

¹² Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.10, tr.389.

của đời sống xã hội. Đặc trưng thứ năm nhấn mạnh yếu tố con người với tư cách là chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu các luận điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, ta thấy Người còn đề cập đến một *đặc trưng thứ sáu*, mang tính tổng quát. Đó là đặc trưng về *mục tiêu* của chủ nghĩa xã hội. Đặc trưng thứ sáu này được Hồ Chí Minh phát biểu trong *rất nhiều* luận điểm, và nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng của Người. Chẳng hạn luận điểm sau đây: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”¹³. Nét *đặc sắc* trong tư duy triết học của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ thể hiện ở việc Người nêu lên và nhấn mạnh đặc trưng thứ sáu này, mà điều quan trọng hơn, đó là Người đã đặc biệt nhấn mạnh đến *mối quan hệ* giữa đặc trưng thứ sáu này với các đặc trưng khác của chủ nghĩa xã hội. Có thể thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội không được xếp ngang hàng, cùng cấp với nhau. Các đặc trưng ấy có thể được chia thành hai loại: *Đặc trưng mục tiêu* và *đặc trưng phương thức*. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức là một nội dung trong triết học biện chứng của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội với tư cách là một xã hội mới ở Việt Nam.

Đặc trưng mục tiêu là “không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần

của nhân dân”, là “độc lập, tự do, hạnh phúc”, là “hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật”, là “ai cũng no ấm, sung sướng, tự do; ai cũng thông thái và có đạo đức”, là “dân giàu, nước mạnh”, v.v., còn đặc trưng phương thức là “bảo vệ quyền tư hữu tài sản”, nền kinh tế nhiều thành phần, chấp nhận sự tồn tại giai cấp tư sản và quan hệ còn mang tính bóc lột giữa tư bản và công nhân, v.v. (trong xây dựng chế độ dân chủ nhân dân), là chế độ công hữu tư liệu sản xuất, không còn giai cấp áp bức bóc lột, v.v. (trong xây dựng chủ nghĩa xã hội).

Đặc trưng phương thức là sự *thể hiện*, đồng thời là sự *hiện thực hóa* đặc trưng mục tiêu. Ở đây, đặc trưng mục tiêu và đặc trưng phương thức tác động qua lại một cách biện chứng, trong đó đặc trưng mục tiêu là *cái quyết định*, còn đặc trưng phương thức là *cái bị quyết định*. Tính quyết định của đặc trưng mục tiêu đối với đặc trưng phương thức thể hiện trên hai phương diện:

Thứ nhất, đặc trưng mục tiêu có vai trò là cơ sở, đồng thời là tiêu chí đánh giá để xác định và lựa chọn đặc trưng phương thức. Chỉ có những phương thức nào thể hiện và hiện thực hóa được mục tiêu thì mới là phương thức của mục tiêu ấy. *Lực lượng ưu tú lãnh đạo xã hội phải có đủ trí tuệ và bản lĩnh để tăng cường, hoặc điều chỉnh, thậm chí thay đổi các đặc trưng phương thức tùy theo khả năng thể hiện và hiện thực hóa đặc trưng mục tiêu.*

¹³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.13, tr.30.

Thứ hai, bản thân nội dung của đặc trưng mục tiêu cũng phát triển lên những cấp độ ngày càng cao hơn, vì thế, nó sẽ là động lực thúc đẩy đặc trưng phương thức biến đổi theo, thúc đẩy xã hội không ngừng phát triển.

Điểm qua những *dấu mốc* chủ yếu trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới như trên, có thể thấy rõ tính chất biện chứng duy vật trong tư duy triết học của Người về mô hình xã hội mới. Điều đó cho thấy tính chất khoa học của mô hình xã hội mới mà Hồ Chí Minh chủ trương. Mô hình đó đầy tính hiện thực bởi suy cho cùng, nó là sản phẩm của sự phát triển của hiện thực xã hội Việt Nam gắn với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, được phản ánh chính xác trong tư duy triết học của Hồ Chí Minh, và từ đó, quay trở lại dẫn dắt sự nghiệp cách mạng đó, biến nó thành sự nghiệp tự giác. Giá trị của tư duy triết học Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới chính là ở chỗ đó.

2. Quan niệm về chính trị với tư cách là một bộ phận của tư duy triết học Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới

Nét độc đáo, đặc sắc trong triết học Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới ở Việt Nam còn thể hiện rõ trong phạm trù “mới”. Ở đây, ta đụng đến vấn đề quan điểm triết học của Hồ Chí Minh về thực chất của chính trị.

Đúng như Kinh Lễ đã viết: “Nhân đạo chính vi đại” - Trong đời sống nhân loại, chính trị là việc lớn nhất. Chính vì thế,

hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, những người tham gia hoạt động chính trị, dù là hoạt động tư tưởng hay hoạt động thực tiễn, đều cần phải có lời giải cho câu hỏi “Chính trị là gì?”. Nói cách khác, họ đều phải hiểu *thực chất của chính trị*, dù đó có thể là cách hiểu rất riêng của họ. Đây là câu hỏi căn bản, nên việc trả lời nó sẽ xác lập quan điểm có tính triết học của chủ thể.

Hồ Chí Minh không có tác phẩm chuyên luận bàn về khái niệm “chính trị”. Nhưng từ hệ thống tác phẩm cùng như từ toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, có thể nhận thấy quan điểm triết học Hồ Chí Minh về thực chất của chính trị. Với Hồ Chí Minh, *chính trị thực chất là cách mạng*. Sở dĩ Hồ Chí Minh quan niệm thực chất của chính trị là cách mạng chính bởi vì Người xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn đời sống chính trị Việt Nam - đòi hỏi giải phóng và phát triển.

Khái niệm “cách mạng” lần đầu tiên được Hồ Chí Minh định nghĩa trong *Thư trả lời anh H.* (tháng 4 năm 1925). Trong tác phẩm này, Hồ Chí Minh đã định nghĩa khái niệm “cách mạng” (Révolution) trong sự so sánh với các khái niệm “tiến hóa” (Évolution) và “cải cách” (Réforme). Người viết: “Tiếng Tây có réforme, évolution và révolution, nghĩa là thay đổi từng chút, từng bước một, không dùng đến phá hoại. Réforme nghĩa là thay đổi ít hay là thay đổi nhiều; có dùng đến phá hoại hay là không, nhưng mà cái nề nếp cũ, cái khuôn phép cũ hãy lưu lại. Révolution nghĩa là đổi hết lớp cũ, lấy lớp

mới thay vào”¹⁴. Ở đây, Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa “cách mạng” theo *nghĩa rộng*. Theo nghĩa rộng như thế, “chẳng những chính trị có cách mệnh mà thôi. Trong việc gì mà lấy cái mới mà phá cái cũ cũng là cách mệnh. Người ta gọi ông Đắc-uy-n là một người cách mệnh về việc suy xét loài vật; ông Các Mác là một người cách mệnh trong việc suy đọc kinh tế, v.v..”¹⁵. Như vậy, cách mạng, theo quan niệm của Hồ Chí Minh chính là một *bước phát triển về chất* của sự vật, hiện tượng, nhưng đây không phải là sự phát triển dần dần, mà là bước *nhảy vọt*, trong đó *cái cũ* bị xóa bỏ hoàn toàn *bằng cách* tạo ra *cái mới*. “Cái cũ” và “cái mới” mà Hồ Chí Minh sử dụng ở đây thực sự là những phạm trù triết học có tính khái quát cao, *chỉ những trình độ phát triển khác nhau về chất của sự vật, hiện tượng*. Sau này, trong toàn bộ hệ thống lý luận của Hồ Chí Minh, Người tiếp tục sử dụng các phạm trù “cái cũ” và “cái mới” một cách rất thường xuyên. Người thường xuyên nói đến xã hội cũ, chế độ cũ, đạo đức cũ, v.v.; Người càng thường xuyên nói đến xã hội mới, chế độ mới, đạo đức mới, văn hóa mới, con người mới, đời sống mới, v.v.. Có thể thấy, triết học về cách mạng là một nền tảng cho hệ thống lý luận của Hồ Chí Minh.

Tư duy về khái niệm “cách mạng” của Hồ Chí Minh là rất tường minh. Người phân tích các khái niệm một cách chặt chẽ. Người phê bình ông H. đã không nắm được nội hàm khái niệm cách mạng. Sự mơ hồ của ông H. thể hiện trong việc

ông cho rằng, khái niệm cách mạng bắt nguồn từ chữ “cách mạng” trong quẻ Cách của Kinh Dịch, trong đó nói đến sự kiện vua Thang nhà Thương diệt vua Kiệt nhà Hạ, vua Vũ nhà Chu diệt vua Trụ nhà Thương. Hồ Chí Minh chỉ rõ, “hai vua ấy đánh vua Kiệt và vua Trụ, là làm việc cách mệnh. Nhưng đến khi Kiệt và Trụ đã thua rồi, Thang và Vũ lại lên làm vua, lại cứ làm quân chủ, lúc bấy giờ gọi Thang và Vũ là cách mệnh thì không xứng nữa”¹⁶. Như vậy, những biến đổi xã hội mà trong đó cái được tạo ra không ở một trình độ phát triển cao hơn về chất so với cái cũ thì không được gọi là cách mạng. Hồ Chí Minh còn phê bình việc ông H. lẫn lộn khái niệm cách mạng với khái niệm cải cách; không tư duy một cách toàn diện về cách mạng khi “không nói đến. 1. Trước lúc cách mệnh phải làm thế nào? 2. Đương lúc cách mệnh phải làm thế nào? 3. Lúc cách mệnh rồi phải làm thế nào?... không nói sức Tây ra thế nào?... ta ra thế nào?”¹⁷, v.v.. Có thể thấy, việc đi sâu phân tích khái niệm như thế chính là một biểu hiện tư duy triết học của Hồ Chí Minh.

Từ quan niệm về cách mạng theo nghĩa rộng, Hồ Chí Minh nói đến cách mạng chính trị, tức là cách mạng theo nghĩa hẹp. Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, *tiêu chí* để xác định một phong trào chính trị có phải là một cuộc cách mạng hay không

¹⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.2, tr.173.

¹⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.2, tr.174.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.2, tr.173.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ.*, t.2, tr.178.

chính là ở chỗ *phong trào ấy có đem một chế độ xã hội mới, phát triển cao hơn về chất, thay thế cho chế độ xã hội cũ hay không*. Ở đây, hai chữ “mới” và “cũ” trong định nghĩa trên của Hồ Chí Minh cũng được hiểu theo nghĩa triết học - chi chất của sự vật.

Đến tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định khái niệm “cách mệnh” với nội hàm như trên. Người viết: “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”¹⁸. Người cũng đã sử dụng khái niệm cách mạng để nói đến các loại hình cách mạng chính trị như tư bản cách mạng, dân tộc cách mạng, giai cấp cách mạng, thế giới cách mạng; đã chỉ ra đặc điểm có tính bản chất của “cái mới” cần được tạo ra trong cách mạng Việt Nam - một chế độ xã hội mà trong đó tất cả mọi quyền lực và quyền lợi đều thuộc về toàn thể nhân dân Việt Nam; v.v..

Quan niệm thực chất của chính trị là cách mạng như trên của Hồ Chí Minh suy cho cùng là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác về triết học. Các nhà nghiên cứu khẳng định rằng, *tuyên ngôn triết học* của chủ nghĩa Mác là *thực tiễn*. Tuyên ngôn ấy thể hiện một cách minh triết trong tác phẩm *Luận cương về Phoi-ơ-bắc*, đặc biệt là ở luận cương thứ 11, trong đó, Mác đã viết: “Các nhà triết học đã chỉ giải thích thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là cải tạo thế giới”¹⁹. Nếu tinh thần cơ bản của thực tiễn là cải tạo thế giới, thì cách mạng chính là một hình thức của thực tiễn, và trong đời sống chính trị, thì đó là một

hình thức của thực tiễn chính trị. Trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam, như Hồ Chí Minh đã phân tích trong *Thư gửi anh H.* nói trên, cũng như trong rất nhiều tác phẩm khác, để giải phóng và phát triển, xã hội Việt Nam không thể dựa vào các phương thức cải cách, hay tiến hóa, mà phải làm cách mạng. Nói cách khác, thực chất của chính trị của dân tộc Việt Nam là cách mạng. Có thể nói, đây là tư duy triết học chính trị rất độc đáo, đầy tính thực tiễn của Hồ Chí Minh. Đương nhiên Hồ Chí Minh ý thức rất rõ, trong toàn bộ sự vận động đi lên của đời sống chính trị của dân tộc Việt Nam không chỉ có duy nhất phương thức đấu tranh cách mạng. Nhưng tính cách mạng luôn là thực chất của chính trị Việt Nam trong bối cảnh thế kỷ XX.

Với tinh thần cách mạng là thực chất của chính trị như thế, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* - giáo khoa thư chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã viết: “Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Dem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Dem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?... Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem

¹⁸ Hồ Chí Minh (2011), *Sdd.*, t.2, tr.284.

¹⁹ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.12.

rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tinh dậy, tinh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh. Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Cách mệnh! Cách mệnh!! Cách mệnh!!!”²⁰.

Cũng với tinh thần cách mạng là thực chất của chính trị, Hồ Chí Minh luôn đặc biệt nhấn mạnh vai trò của chính trị. Người chỉ rõ: “Chính trị là một động lực to lớn”²¹ của mọi cuộc vận động; “chính trị là linh hồn của mọi công việc”²²; v.v.. Khi nói đến công tác kinh tế, Người nhấn mạnh: “Công tác chính trị là mạch sống của mọi công tác kinh tế”²³. Khi bàn về xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn, Người chỉ rõ: “Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn. Nếu thầy giáo, cô giáo bàng quan thì lại đúc ra một số công dân không tốt, cán bộ không tốt. Nói tóm lại, chính trị là đức, chuyên môn là tài. Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i, tờ thì dạy thế nào? Đức phải có trước tài”²⁴, v.v.. Như vậy, toàn bộ những quan niệm như trên của Hồ Chí Minh đều nhằm khẳng định rằng, mọi công việc đều phải thấm đẫm tinh thần cách mạng, đều phải lấy phục vụ cách mạng làm tôn chỉ, định hướng.

Từ các phân tích trên, có thể khẳng định rằng, trong tư duy triết học Hồ Chí Minh, cách mạng là thực chất của chính trị, và khi thực chất của chính trị là cách mạng, thì trong triết học Hồ Chí Minh, đó không chỉ là *xóa bỏ cái Cũ*, mà quan trọng hơn là *tạo ra cái Mới*. Đối với cách mạng xã hội, cái *có thể và cần phải* tạo ra ấy,

chính là một *xã hội Mới*. Phạm trù “Mới” thực sự là một sản phẩm độc đáo, đặc sắc của tư duy triết học Hồ Chí Minh, nhưng quan trọng hơn, đó là thành quả của quá trình biện chứng vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đúng như Hồ Chí Minh đã viết trong *Di chúc* của Người: Sự nghiệp chính trị - cách mạng của dân tộc Việt Nam “...là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”²⁵.

Tóm lại, mô hình xã hội mới là một trong những vấn đề quan trọng bậc nhất của cách mạng Việt Nam mà tư duy triết học Hồ Chí Minh đã tập trung giải quyết. Với Hồ Chí Minh, kiến tạo bản chất “Mới” của xã hội này là thực chất của Cách mạng, và Cách mạng là thực chất của Chính trị. Mô hình xã hội mới với những nội dung, đặc điểm của nó, được xác định bằng tư duy triết học duy vật biện chứng phản ánh đúng đắn và dự báo chính xác quá trình vận động biện chứng khách quan của xã hội Việt Nam. Tất cả những điều đó, làm nên nét đặc sắc và giá trị của tư duy triết học Hồ Chí Minh về mô hình xã hội mới ở Việt Nam. □

²⁰ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.2, tr.283.

²¹ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.5, tr.485.

²² Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.11, tr.429.

²³ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.10, tr.362.

²⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.10, tr.269.

²⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Sđd.*, t.15, tr.617.